ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

|  |  |
| --- | --- |
| Tên môn học: | GIÁO DỤC SỨC KHỎE TRONG THỰC HÀNH NGHỀ NGHIỆP |
| * Mã môn học: | 61073042 |
| * Thuộc khối kiến thức/ kỹ năng:   ☐ Kiến thức cơ bản  ☑ Kiến thức chuyên ngành  ☐ Môn học chuyên về kỹ năng | ☐ Kiến thức cơ sở ngành  ☐ Kiến thức khác  ☐ Môn học đồ án/ luận văn tốt nghiệp |
| * Số tín chỉ: | 2 tín chỉ (1 lý thuyết + 0 thực hành) |
| + Số lý thuyết/ số buổi: | 15 tiết lý thuyết (4 buổi) |
| + Số tiết thực hành/ số buổi: | 0 tiết thực hành (0 buổi) |
| * Môn học tiên quyết: | Sức khỏe môi trường – Nâng cao sức khỏe và hành vi con người |
| * Môn học song hành: | Không |

1. **Mô tả môn học:**

Môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Nội dung môn học giúp sinh viên nắm vững các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe và vận dụng tốt các phương pháp vào việc truyền thông giáo dục sức khỏe trong thực hành Hộ Sinh. Thực hiện xây dựng các chương trình giáo dục sức khỏe cho bà mẹ trước sanh, trong chuyển dạ, sau sanh trong quá trình thực hành nghề nghiệp, góp phần thực hiện thành công các chương trình sức khoẻ mục tiêu quốc gia.

1. **Nguồn học liệu**

***Giáo trình***

[1] Bộ Y tế - Vụ khoa học và đào tạo (2005), Kỹ năng giao tiếp và giáo dục sức khỏe, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.

***Tài liệu khác***

[2] Bộ Y tế - Vụ khoa học và Đào tạo (1996), Quản lý điều dưỡng. Nhà xuất bản Y học.

[3] Bộ Y Tế - Vụ khoa học và Đào tạo (2006), Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe. Nhà xuất bản Y học.

[4] Trường đại học Y khoa Thái Nguyên (2007), Giáo dục và nâng cao sức khỏe. Nhà xuất bản Y học.

1. **Mục tiêu môn học**

| **Mục tiêu** | **Mô tả mục tiêu** | **CĐR của CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| MT1 | Hiểu rõ các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe và vận dụng tốt các phương pháp vào việc truyền thông giáo dục sức khỏe trong thực hành Hộ sinh. | C3 |
| MT2 | Hiểu rõ và thực hành lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe cho bà mẹ trong quá trình mang thai | C2, C3, C10 |
| MT3 | Hiểu rõ và thực hành lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe cho bà mẹ trong quá trình chuyển dạ sanh | C2, C3, C10 |
| MT4 | Hiểu rõ và thực hành lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe cho bà mẹ sau sanh | C2, C3, C10 |
| MT5 | Hiểu rõ, phân tích và đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe. | C3 |

1. **Đánh giá môn học**

| **Thành phần đánh giá** | **Bài đánh giá** | **MT môn học** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- |
| A1. Đánh giá giữa kỳ | Bài tập thực hành đánh giá giữa kỳ | MT2, MT3, MT4 | 30 % |
| A2. Đánh giá cuối kỳ | Bài thi cuối môn | MT1 - MT4 | 70 % |

**TEST BLUEPRINT – ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ (Phần Lý Thuyết)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục**  **Tiêu** | **Tỉ lệ %**  **Số điểm** | | | **Nhớ** | | **Hiểu** | | **Áp dụng** | |
| **MT1** | 20% | 2 | 10% | | 1 | 5% | 0.5 | 5% | 0.5 |
| **MT2** | 20% | 2 | 10% | | 1 | 5% | 0.5 | 5% | 0.5 |
| **MT3** | 20% | 2 | 10% | | 1 | 5% | 0.5 | 5% | 0.5 |
| **MT4** | 20% | 2 | 10% | | 1 | 5% | 0.5 | 5% | 0.5 |
| **MT5** | 20% | 2 | 0 | | 0 | 10% | 1 | 10% | 1 |
| **Tổng cộng** | **100%** | **10** | **40%** | | **4** | **30%** | **3** | **30%** | **3** |

1. **Nội dung và phương pháp giảng dạy**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe. | 4 | 8 | MT1 | A2 |
| Lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe:   * Trước sanh * Trong chuyển dạ * Sau sanh | 2  2  3 | 4  4  6 | MT2 - 4 | A1, A2 |
| Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe. | 4 | 8 | MT5 | A2 |
| **Tổng cộng** | **15** | **30** |  |  |

**\* Phương pháp, phương tiện giảng dạy**

* Thuyết trình, đóng vai, mô phỏng, dạy theo vấn đề, tình huống.
* Máy chiếu, máy vi tính, hình ảnh, phim

1. **Quy định của môn học**

Ngoài Qui chế 456/QĐ – ĐHYD và quyết định số 5152/QĐ - ĐHYD sinh viên phải:

* Phải hoàn thành đúng thời hạn các bài tập được giao, dự đủ các bài kiểm tra và bài   
  thi cuối môn.
* Điểm tổng kết môn học = (điểm A1\* 30% +A2\* 70%)

Trong đó:

* A 1: không
* A 2: Điểm kiểm tra thường xuyên, trọng số 30%.
* A 3: Điểm thi cuối môn, trọng số 70%. Bài thi lý thuyết

*(Tất cả các điểm được đánh giá theo thang điểm 10 và làm tròn đến một chữ số thập phân, riêng điểm môn học sau đó sẽ được chuyển thành điểm chữ theo quy định của quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ)*

1. **Phụ trách môn học**

* Khoa/ Bộ môn: Hộ sinh, Khoa Điều Dưỡng kỹ thuật y học.
* Địa chỉ liên hệ: 201 Nguyễn Chí Thanh, Q5 hoặc BM Hộ sinh lầu 3 khu KTX BV Từ Dũ.
* Điện thoại liên hệ: 02835000475

**LỊCH GIẢNG**

| **Nội dung** | **Số tiết** | | **Mục tiêu** | **Bài đánh giá** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lên lớp** | **Tự học** |
| Các phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe. | 4 | 8 | MT1 | Ts Nhuyễn Thị Nhẫn |
| Lập kế hoạch một buổi truyền thông giáo dục sức khỏe:   * Trước sanh * Trong chuyển dạ * Sau sanh | 2  2  3 | 4  4  6 | MT2 - 4 | Ts Nhuyễn Thị Nhẫn |
| Đánh giá chương trình nâng cao sức khỏe. | 4 | 8 | MT5 | Ts Nhuyễn Thị Nhẫn |
| **Tổng cộng** | **15** | **30** |  |  |